TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/HS-ST
Ngày: 10/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thuỷ và ông Nguyễn Văn Lân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Khanh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Đại Tường Ng**; Tên gọi khác: C; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/8/1986, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Trú tại: Thôn T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: P; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Không rõ; Con bà: Trần Thị Kim C, sinh năm 1952; Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là con út; Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con

Quá trình nhân thân:

- Ngày 09/5/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 27/HSPT.

- Ngày 23/7/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên phạt 06 (sáu) năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 467/2008/HSPT.

- Ngày 30/01/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù về các tội "Cướp tài sản" và "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 21/2013/HSST.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án (Bản án số 467/2008/HSPT và Bản án số 21/2013/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Huế từ ngày 28/11/2021 cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Hà Văn Th**; Tên gọi khác: R; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 24/02/1995, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Trú tại: Số 11 đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: P; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Hà Văn A, sinh năm 1965; Con bà: Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có.

Quá trình nhân thân:

- Ngày 26/3/2012, bị Công an phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi Dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản. (Quyết định số 01656).

- Ngày 15/8/2013, bị Công an phường Phú Thuận, thành phố Huế xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản. (Quyết định số 03464)

- Ngày 15/11/2013, bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác. (Quyết định số 4326)

- Ngày 11/7/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 95/2014/HSPT.

Ngày 05/05/2017, Hà Văn Th chấp hành xong hình phạt trở về địa phương cho đến ngày có hành vi phạm tội mới.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Huế từ ngày 29/12/2021 cho đến nay. Có mặt.

* Bị hại:

1. Ông Trần T, sinh năm 1959- Người đại diện hợp pháp của dòng tộc họ T; Địa chỉ: 13 C, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Hiền T1, sinh năm 1967- Người đại diện hợp pháp của dòng tộc họ H; Địa chỉ: Thôn M, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Ông Lê Đình H1, sinh năm 1976- Người đại diện hợp pháp của Đình làng L; Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Viết Đ, sinh năm 1986; Địa chỉ: 71 S, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1975; Địa chỉ: 346 B, phường L thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Ông Lê Văn B, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số nhà 13 kiệt 73 T, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, văng mặt.

4. Ông Hoàng T2, sinh năm 1976; Địa chỉ: 8/7L, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

5. Ông Mai T3, sinh năm 1978; Địa chỉ: Lô A31 Khu quy hoạch Bắc S, phường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

6. Ông Phan Văn D1, sinh năm 1983; Địa chỉ: 11/79 P, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

7. Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1953; Địa chỉ: T, P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế,vắng mặt.

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1959; Địa chỉ: 2/52 K, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

2. Ông Trần Phúc A1, sinh năm 1969; Địa chỉ: T, P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu xài, nên Trần Đại Tường Ng đã đến các nhà thờ, đình làng trên địa bàn thành phố Huế để lấy trộm tài sản là các đồ dùng thờ cúng để bán lấy tiền. Từ ngày 12/11/2021 đến ngày 24/11/2021, Trần Đại Tường Ng đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ ngày 12/11/2021, Trần Đại Tường Ng điều khiển xe mô tô 75H1-XXX.XX (xe Ng mượn của Trần Phúc A1 rồi mua và lắp thêm giá đèo hàng hóa phía yên sau) đi đến nhà thờ họ T tại thôn

M, xã P, thành phố H. Đến nơi, Ng dựng xe ở ngoài tường thành rồi trèo qua vào sân nhà thờ, đi đến cửa chính nhà thờ, thấy không có người trông giữ, Ng đẩy cửa chính đi vào trong khiên trộm 01 (một) tủ thờ có nhiều tình tiết khảm chạm hoa văn tinh xảo. Sau đó, Ng khiên tủ thờ ra xe rồi chở đến nhà anh Nguyễn Minh D (là bạn tù với Ng làm nghề mua bán đồ gỗ cũ) để bán. Do D không có nhà nên Ng để lại tủ thờ vừa trộm được tại nhà của D rồi điều khiển xe quay lại nhà thờ họ T. Ng tiếp tục lấy trộm 01 (một) tủ thờ cũng được khảm chạm hoa văn tinh xảo, 01 (một) ghế nghi, 01 (một) ghế đôn, 03 (ba) cái tợ và 02 (hai) lọ xông trầm bằng đồng rồi chở đến nhà của anh D. Do tối đó D về nhà muộn nên đến sáng hôm sau, khi Ng quay trở lại nhà D, D đồng ý mua tất cả những đồ vật Ng mang đến với giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

Vụ thứ hai: Vào khoảng 13 giờ ngày 17/11/2021, Ng điều khiển xe mô tô 75H1-XXX.XX đi đến nhà thờ họ H tại thôn M, xã P, thành phố H. Ng để xe ở ngoài tường thành rồi trèo qua tường vào trong sân nhà thờ. Lúc này, Ng thấy không có người trông giữ, cửa được khóa bằng ổ khóa nhỏ bị hỏng, Ng dùng tay giật ra rồi đi vào trong lấy trộm 02 (hai) bức liễn đều có màu nâu, 01 (một) hộp đựng gia phả, 01 (một) cái tợ nhỏ và 01 (một) giá dựng đũa cùng 05 (năm) đôi đũa đều bằng gỗ rồi đi ra theo hướng cũ đã đi vào. Đến tối hôm sau, Ng đưa các tài sản lấy trộm trên đến bán cho anh D, D mua tất cả với giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ, ngày 17/11/2021 Ng gọi điện rủ Hà Văn Th đi trộm cắp tài sản thì Th đồng ý. Ng điều khiển xe mô tô 75H1-XXX.XX chở Th đến nhà thờ họ H. Đến nơi, Ng dựng xe ở ngoài rồi cùng Th trèo vào trong sân, đi vào phía trong nhà thờ lấy trộm 01 (một) bức hoành rồi đưa về nhà Ng cất giấu. Ng đưa cho Th số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) rồi Th ra về. Tối ngày 19/11/2021, Ng sợ nếu bán tiếp cho D sẽ bị D nghi ngờ nên thông qua mạng xã hội Ng biết anh Trần Viết Đ (sinh năm: 1986, trú tại: số 71 đường S, phường L, thành phố H) có thu mua đồ gỗ củ nên đã liên lạc anh Đ để bán. Sau khi xem qua bức hoành thì anh Đ đồng ý mua với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

Vụ thứ tư: Khoảng 18 giờ ngày 24/11/2021, khi biết Trần Viết Đ cũng mua các bức liễn, Ng điều khiển xe mô tô 75H1-XXX.XX đi đến Đình làng L, phường N, thành phố H. Tại đây, thấy cửa Đình làng bị khóa nên Ng đã dùng kìm mang theo cắt khóa rồi đi vào phía trong lấy trộm 17 (mười bảy) bức liễn đều có màu đỏ và 02 (hai) cây đèn bằng đồng. Lấy trộm xong, Ng

mang 17 (mười bảy) bức liễn bán cho Đ với giá 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Anh Đ đưa đã đưa trước cho Ng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Đ bán 12 (mười hai) bức liễn cho Hoàng T2 với số tiền 18 (mười tám) triệu đồng. Ngày hôm sau, Ng đã bán 02 (hai) cây đèn đồng (có đặc điểm bằng đồng, cao 70cm, đã qua sử dụng) cho một người phụ nữ không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng). Cây kìm mà Ng dùng để cắt khóa đã bị rớt mất trên đường về.

Sau khi mua các tài sản từ Ng, anh Nguyễn Minh D đã bán lại:

+ 02 (hai) tủ thờ, 01 (một) ghế nghi và 02 (hai) bức liễn cho anh Lê Văn B với số tiền 35 (ba mươi lăm) triệu đồng . Thấy 02 (hai) tủ thờ bị hư hỏng nên anh Bình đưa đến nhà của anh Nguyễn Hữu T3 để sửa chữa. Sau khi biết là các tài sản là tang vật vụ án, Bình và Tiến đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế.

+ 02 (hai) cái tợ, 01 (hai) ghế đôn bán cho anh Mai T3 với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) rồi Tuấn bán 01 (một) cái tợ, 01 (một) ghế đôn cho anh Hoàng T2 với số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàng T2 bán lại 01 (một) ghế đôn cho anh Phan Văn D1 với số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Anh D1 sau đó bán cho một người không rõ nhân thân, lai lịch với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được (cái ghế đôn có đặc điểm bằng gỗ, kích thước 0,48m x 0,42m x 0,42m).

Nguyễn Minh D sau khi mua làm thất lạc gồm 02 (hai) lọ xông trầm bằng đồng (có đặc điểm bằng đồng cao 0,2m, đường kính 0,15m đã qua sử dụng), 01 (một) hộp đựng gia phả bằng gỗ (có đặc điểm bằng gỗ, có kích thước 0,7m x 0,15m x 0,1m, đã qua sử dụng) và 01 (một) giá đựng đũa cùng 05 (năm) đôi đũa bằng gỗ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đồ gỗ còn lại gồm 01 (một) cái tợ và 01 (một) cái tợ nhỏ, sau khi biết là tang vật vụ án Nguyễn Minh D đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế.

* Vật chứng thu giữ gồm: 02 tủ thờ (tủ cuốn thơ) bằng gỗ, đều có kích thước 1,24m x 1,18m x 0,56m, đã qua sử dụng (Nguyễn Hữu T3 giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ nhất); 01 (một) cái ghế nghi bằng gỗ màu nâu, có kích thước 0,97m x 0,46m x 0,76m, đã qua sử dụng. (Lê Văn B giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ nhất); 01 (một) cái tợ bằng gỗ, kích thước 0,95m x 0,46m x 0,2m, đã qua sử dụng (Nguyễn Minh D giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ nhất); 01 (một) cái tợ bằng gỗ, kích thước 0,95m x 0,46m x 0,2m, đã qua sử

dụng (Mai T3 giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ nhất); 01 (một) cái tợ bằng gỗ, có kích thước 0,95m x 0,46m x 0,2m, đã qua sử dụng (Hoàng T2 giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ nhất); 02 (hai) bức liễn bằng gỗ màu vàng có khắc chữ Hán, kích thước 2,28m x 0,235m x 0,02m, đã qua sử dụng. (Lê Văn B giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ hai); 01 (một) cái tợ nhỏ bằng gỗ màu nâu, có kích thước 0,3m x 0,3m x 0,1m, đã qua sử dụng (Nguyễn Minh D giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ hai); 01 (một) bức hoành bằng gỗ màu đỏ, có 03 chữ màu vàng, kích thước 1,14m x 0,58m x 0,06m, đã qua sử dụng (Trần Viết Đ giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ ba); 05 (năm) bức liễn bằng gỗ, sơn màu đỏ, chữ màu vàng có kích thước 2,24m x 0,24m x 0,02m, đã qua sử dụng (Trần Viết Đ giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ tư); 04 (bốn) bức liễn bằng gỗ sơn màu đỏ, chữ màu vàng có kích thước 2,6m x 0,26m x 0,03m đã qua sử dụng (Hoàng T2 giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ tư); 04 (bốn) bức liễn bằng gỗ sơn màu đỏ, chữ màu vàng có kích thước 2,4m x 0,26m x 0,03m, đã qua sử dụng (Hoàng T2 giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ tư); 04 (bốn) bức liễn bằng gỗ sơn màu đỏ, chữ màu vàng có kích thước 2,44m x 0,24m x 0,025m, đã qua sử dụng (Hoàng T2 giao nộp, là tang vật vụ trộm thứ tư); Ngoài ra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế còn tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu YAMAHA Jupiter màu đen-bạc vàng, biển số: 75H1- XXX.XX, số máy: 5B95-130631, số khung: B950CY130621, xe đã qua sử dụng (Ng sử dụng làm phương tiện trộm cắp); 01 (một) khung bằng sắt hộp vuông 2cm, có kích thước 55cm x 68cm, có chân gắn vào xe cao 49cm, đã qua sử dụng (Ng sử dụng vào việc phạm tội); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh, số IMEII: 352884793953325, số IMEI2: 352884793953322, đã qua sử dụng (Ng sử dụng vào việc phạm tội); 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) (là tiền Ng bán tài sản trộm cắp mà có); 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh, số IMEI 868613046852175, đã qua sử dụng (là tài sản của chị Trần Thị M, Ng giữ giúp, không liên quan đến việc phạm tội); 01 (một) điện thoại di động Samsung M31 màu xanh, số IMEI: 354479115429779, IMEI2: 354480115429777 cùng sim số 0938627786; (Trần Viết Đ sử dụng làm phương tiện liên lạc); 01 (một) bàn kính bằng gỗ màu đen, có kích thước 0,74m x 0,315m x 0,65m, đã qua sử dụng; (tạm giữ của Lê Văn B); 01 (một) cái tợ bằng gỗ màu đen, có kích thước 1,18m x 0,6m x 0,31m, đã qua sử dụng; (tạm giữ của Lê Văn B); 04 (bốn) bức liễn bằng gỗ màu đen có khắc

chữ Hán, có kích thước 1,4m x 0,24m x 0,025m, đã qua sử dụng; (tạm giữ của Lê Văn B).

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 313/KL-HĐĐGTS ngày 16/12/2021 và số 21/KL-HĐĐGTS ngày 09/02/2022 của Hội đồng định giá tài trong tố tụng hình sự thành phố Huế xác định: 02 tủ thờ (tủ cuốn thơ) bằng gỗ, đều có kích thước 1,24m x 1,18m x 0,56m, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 12/11/2021 có tổng giá trị 70 (bảy mươi) triệu đồng; 01 (một) cái ghế nghi bằng gỗ màu nâu, có kích thước 0,97m x 0,46m x 0,76m, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 12/11/2021 có giá trị 03 (ba) triệu đồng; 01 (một) cái tợ bằng gỗ, kích thước 0,95m x 0,46m x 0,2m, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 12/11/2021 có giá trị 02 (hai) triệu đồng; 02 (hai) cái tợ bằng gỗ, kích thước 0,95m x 0,46m x 0,2m, đã qua sử dụng. Tại thời điểm ngày 12/11/2021 có tổng giá trị 04 (bốn) triệu đồng;

- Định giá qua hồ sơ 01 (một) cái ghế đôn có đặc điểm bằng gỗ, kích thước 0,48m x 0,42m x 0,42m tại thời điểm ngày 12/11/2021 có giá trị 03 (ba) triệu đồng; Định giá qua hồ sơ 02 (hai) lọ xông trầm bằng đồng cao 0,2m, đường kính 0,15m đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 12/11/2021 có tổng giá trị 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng);

** Như vậy tổng giá trị tài sản mà Trần Đại Tường Ng trộm cắp vụ thứ nhất là 83.600.000 đồng (tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).*

- 02 (hai) bức liễn bằng gỗ màu vàng có khắc chữ Hán, kích thước 2,28m x 0,235m x 0,02m, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 17/11/2021 có tổng giá trị 05 (năm) triệu đồng;

- 01 (một) cái tợ nhỏ bằng gỗ màu nâu, có kích thước 0,3m x 0,3m x 0,1m, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 17/11/2021 có giá trị 01 (một) triệu đồng;

- Định giá qua hồ sơ 01 (một) hộp đựng gia phả bằng gỗ có kích thước 0,7m x 0,15m x 0,1m, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 17/11/2021 có giá trị 01 (một) triệu đồng.

- Do không có cơ sở để định giá qua hồ sơ 01 (một) giá đựng đũa cùng 05 (năm) đôi đũa bằng gỗ tài thời điểm ngày 17/11/2021 nên Hội đồng định giá không kết luận.

** Như vậy tổng giá trị tài sản mà Trần Đại Tường Ng trộm cắp vụ thứ hai có thể xác định là 07 (bảy) triệu đồng.*

- 01 (một) bức hoành bằng gỗ màu đỏ, có 03 chữ màu vàng, kích thước 1,14m x 0,58m x 0,06m, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 17/11/2021 có giá trị 15 (mười lăm) triệu đồng

** Như vậy giá trị tài sản mà Trần Đại Tường Ng cùng Hà Văn Th trộm cắp vụ thứ ba là 15 (mười lăm) triệu đồng.*

- 05 (năm) bức liễn bằng gỗ, sơn màu đỏ, chữ màu vàng có kích thước 2,24m x 0,24m x 0,02m; 04 (bốn) bức liễn bằng gỗ sơn màu đỏ, chữ màu vàng có kích thước 2,6m x 0,26m x 0,03m; 04 (bốn) bức liễn bằng gỗ sơn màu đỏ, chữ màu vàng có kích thước 2,4m x 0,26m x 0,03m; 04 (bốn) bức liễn bằng gỗ sơn màu đỏ, chữ màu vàng có kích thước 2,44m x 0,24m x 0,025m, đều đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 24/11/2021 có tổng giá trị là 34 (ba mươi tư) triệu đồng.

- Định giá qua hồ sơ 02 (hai) cây đèn đồng cao 70cm, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 24/11/2021 có tổng giá trị là 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng)

** Như vậy tổng giá trị tài sản mà Trần Đại Tường Ng trộm cắp vụ thứ tư là 36.200.000 đồng (ba mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).*

* Về xử lý vật chứng: Sau khi định giá tài sản, xác định chủ sở hữu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế ra quyết định số 242, số 132 cùng ngày 16/12/2021, quyết định số 07, số 22 cùng ngày 11/02/2022 và quyết định số 20 ngày 24/03/2022 trả lại cho chủ sở hữu gồm: Trả lại 02 (hai) tủ thờ, 01 (một) ghế nghi, 03 (ba) cái tợ cho đại diện Tộc họ T thôn M; Trả lại 02 (hai) bức liễn, 01 (một) cái tợ nhỏ, 01 (một) bức hoành cho đại diện Tộc họ H thôn M; Trả lại 17 (mười bảy) bức liễn cho đại diện Đình làng L; Trả lại 01 (một) điện thoại di động cho Trần Viết Đ; Trả lại 01 (một) xe mô tô 75H1-XXX.XX cho anh Trần Phúc A1; Trả lại 01 (một) điện thoại di động cho bà Trần Thị M; Trả lại 01 (một) bàn kinh, 01 (một) cái tợ, 04 (bốn) bức liễn cho ông Lê Văn B.

Vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế hiện còn tạm giữ gồm: 01 (một) khung bằng sắt hộp vuông 2cm, có kích thước 55cm x 68cm, có chân gắn vào xe cao 49cm, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh, số IMEII: 352884793953325, số IMEI2: 352884793953322, đã qua sử dụng; 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng);

* Về trách nhiệm dân sự:

Ông Trần Viết Đ đã trả lại số tiền 18 (mười tám) triệu đồng cho anh Hoàng T2 và yêu cầu Trần Đại Tường Ng phải trả lại số tiền 15 (mười lăm) triệu đồng, hiện Ng vẫn chưa trả.

Ông Trần T đại diện tộc họ T thôn M, Lê Văn B sau khi nhận lại tài sản, Hoàng T2 sau khi nhận lại 18 (mười tám) triệu đồng và Nguyễn Minh D, Mai T3, Phan Văn D1 không có yêu cầu gì thêm.

Ông Huỳnh Hiền T1 đại diện tộc họ H thôn M yêu cầu Trần Đại Tường Ng bồi thường 01 (một) triệu đồng, hiện Ng vẫn chưa bồi thường.

Ông Lê Đình H1 đại diện Đình làng L yêu cầu Trần Đại Tường Ng bồi thường 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng), hiện Ng vẫn chưa bồi thường

Bản cáo trạng số: 115/CT-VKS ngày 26/4/2022 của Viện kiểm nhân dân thành phố Huế truy tố các bị cáo Trần Đại Tường Ng về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c,g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Hà Văn Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Áp dụng điểm c,g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Đại Tường Ng từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hà Văn Th từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Đại Tường Ng phải bồi thường số tiền 15 (mười lăm) triệu đồng cho anh Trần Viết Đ; Bồi thường cho tộc họ H thôn M số tiền 01 (một) triệu đồng; Bồi thường cho Đình làng L số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu huỷ một khung sắt, có chân gắn vào xe cao 49cm; Sung công quỹ nhà nước điện thoại hiệu Samsung A12 màu xanh, số IME11 (đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế); Buộc bị cáo Hà Văn Th phải nộp lại số tiền 1.500.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước; Số tiền 12.000.000 thu của bị cáo Trần Đại Tường Ng là khoản tiền bị cáo bán các tài sản lấy trộm nên cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với anh Trần Phúc A1 cho Ng mượn xe mô tô biển số 75H1-XXX.XX làm phương tiện đi lại, không biết Ng dùng làm phương tiện phạm tội nên không đồng phạm với Ng về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Đối với Nguyễn Minh D, Trần Viết Đ mua tài sản do Ng bán nhưng không đủ căn cứ để xác định D, Đài biết rõ là tài sản do Ng phạm tội mà có nên hành vi của D, Đài không phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận, trong khoảng thời gian từ ngày 12/11/2021 đến 24/11/2021, trên địa bàn thành phố Huế, Trần Đại Tường Ng đã thực hiện 04 (bốn) lần trộm cắp tài sản của Tộc họ T thôn M, xã P, Tộc họ H thôn M, xã P và Đình làng L, phường V với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 141.800.000 đồng (Một trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm nghìn đồng), trong đó có 01 lần Trần Đại Tường Ng cùng với Hà Văn Th trộm cắp tài sản của Tộc họ H thôn M có giá trị tài sản chiếm đoạt là 15 (mười lăm) triệu đồng.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ.Với ý thức coi thường pháp luật, bản tính tham lam nên đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái phép quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Đây là vụ án có đồng phạm, mang tính giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Trần Đại Tường Ng đã 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 141.800.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại điểm c

khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, bị cáo đã có 02 tiền án nên lần phạm tội này bị cáo phạm vào tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo là người chủ mưu cầm đầu nên phải chịu trách nhiệm chính, Hà Văn Th cùng bị cáo Ng thực hiện hành vi phạm tội một vụ nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm sau bị cáo Ng.

Hành vi của bị cáo Trần Đại Tường Ng đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c,g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của bị cáo Hà Văn Th đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Trần Đại Tường Ng phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Hà Văn Th không phạm vào tình tiết tăng nặng nào. Các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo Trần Đại Tường Ng có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản và tội cướp tài sản. Bị cáo Hà Văn Th cũng đã từng bị Tòa án kết án về tội Cướp giật tài sản, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản và xâm hại sức khỏe người khác, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục gây án. Hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự địa phương, gây mất trật tự trị an trong khu vực dân cư.

Từ nhận định và căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị cáo Ng đồng ý bồi thường lại các khoản tiền cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Đại Tường Ng phải bồi thường số tiền 15 (mười lăm) triệu đồng cho anh Trần Viết Đ; bồi thường cho dòng tộc họ Huỳnh thôn M mà người đại diện là ông Huỳnh Hiền T1 số tiền 01 (một) triệu đồng; bồi thường cho

Đình làng L mà người đại diện là ông Lê Đình Hợi số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu huỷ một khung sắt, có chân gắn vào xe cao 49cm; Sung công quỹ nhà nước điện thoại hiệu Samsung A12 màu xanh, số IME11 (đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế). Số tiền 12.000.000 đồng thu của bị cáo là khoản tiền bị cáo bán các tài sản lấy trộm nên cần giữ lại để đảm bảo thi hành án căn cứ (Giấy nộp tiền vào Ngân hàng N, khách hàng nộp tiền Lê Minh H4, ngày 27/04/2022, khách hàng nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế); Buộc bị cáo Hà Văn Th phải nộp lại số tiền 1.500.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự là 200.000 đồng.Bị cáo Trần Đại Tường Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng cho yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng; 600.000 đồng cho các yêu cầu bồi thường của tộc họ H thôn M và Đình làng L.Tổng cộng số tiền là: 1.350.000 đồng, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo Trần Đại Tường Ng và Hà Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản";

1.1. Căn cứ vào điểm c,g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Đại Tường Ng 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 28/11/2021.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Văn Th 01(một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 29/12/2021.

3.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Trần Đại Tường Ng phải bồi thường số tiền 15 (mười lăm) triệu đồng cho anh Trần Viết Đ; Bồi thường cho dòng tộc họ Huỳnh thôn M mà người đại diện là ông Huỳnh Hiền T1 số tiền 01 (một) triệu đồng;

Bồi thường cho Đình làng L mà người đại diện là ông Lê Đình Hợi số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu huỷ một khung sắt, có chân gắn vào xe cao 49cm; Sung công quỹ nhà nước điện thoại hiệu Samsung A12 màu xanh, số IME11 (đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Huế và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế).

Số tiền 12.000.000 thu của bị cáo là khoản tiền bị cáo bán các tài sản lấy trộm nên cần giữ lại để đảm bảo thi hành án (Căn cứ Giấy nộp tiền vào Ngân hàng N, khách hàng nộp tiền Lê Minh H4, ngày 27/04/2022, khách hàng nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế); Buộc bị cáo Hà Văn Th phải nộp lại số tiền 1.500.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Trần Đại Tường Ng và Hà Văn Th mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo Trần Đại Tường Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.350.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo, tính từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp TT Huế;
- PV27 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CA thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- Các bị cáo, NBH, NCQLNVLQ;
- Lưu: HSVA, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào Vi